NHU CẦU NHẬN THỨC VỀ SỨC KHỎE SINH SẢN CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

TRẦN THỊ MINH NGỌC*

Sức khỏe sinh sản (SKSS) là một trạng thái hoàn hảo về thể chất, tinh thần và xã hội ở mọi vấn đề liên quan đến bộ máy sinh sản, đến các chức năng và quá trình hoạt động của nó. Nó không đơn thuần là tình trạng không có bệnh tật hoặc ốm đau.

Nhu cầu nhận thức (NCNT) về SKSS của sinh viên đại học sư phạm (SV ĐHSP) là những đòi hỏi của bản thân người SV đối với sự lĩnh hội nội dung tri thức, phương pháp nhận thức về SKSS nhằm làm giàu vốn kinh nghiệm, hiểu biết của SV, phát triển và hoàn thiện nhân cách người SV sư phạm trong xã hội hiện đại.

Nhu cầu nhận thức về SKSS là động lực bên trong thúc đẩy tính tích cực hoạt động nhận thức và hoạt động lại là điều kiện nảy sinh nhu cầu. NCNT về sức khỏe sinh sản là trạng thái thiếu hụt kiến thức, kỹ năng về SKSS. NCNT thôi thúc SV chiếm lĩnh đối tượng, lấp đầy kiến thức về SKSS.

NCNT về SKSS là nhu cầu được hiểu biết về chiều rộng và chiều sâu của kiến thức SKSS. Nhận thức SKSS không chỉ là biết về khái niệm SKSS, đối tượng của SKSS mà còn là sự hiểu biết sâu sắc về các nội dung SKSS. Từ đó, SV có thể áp dụng kiến thức SKSS vào giải quyết các tình huống mới trong thực tế cuộc sống, qua đó bày tỏ thái độ và điều chỉnh hành vi của họ về SKSS.

1. Thực trạng nhu cầu nhận thức về SKSS của SV sư phạm

Để tìm hiểu nhu cầu nhận thức về SKSS của SV ĐHSP, chúng tôi đã tiến hành khảo sát 1.440 SV ĐHSP, 225 giáo viên và cán bộ quản lý thuộc 4 trường: ĐHSP Thái Nguyên, ĐHSP Hà Nội, ĐHSP Vinh, ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh. Đối tượng điều tra là SV năm thứ nhất đến năm thứ 4. Mỗi trường nghiên cứu 360 SV ở các khoa toán, lý, văn, sử, tâm lý giáo dục, giáo dục chính trị. Nghiên cứu được tiến hành tháng 5 năm 2003. Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi.

Với câu hỏi: Bạn có muốn biết thêm kiến thức về sức khoẻ sinh sản không? Kết quả trả lời của SV cho thấy, đa số họ đều có nhu cầu nhận thức thêm về sức khoẻ sinh sản. 91,3% SV sư phạm cho rằng có nhu cầu nhận thức về SKSS. Chỉ có một bộ phận nhỏ SV không có nhu cầu. Điều này phản ánh trạng thái thiếu hụt kiến thức SKSS ☛

*Th.s, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Phân viện Hà Nội.

trong SV. Hiểu biết về SKSS của SV trong nghiên cứu của chúng tôi cho thấy, có 1,5% SV nhận thức ở mức độ cao, biết vận dụng kiến thức vào giải quyết tình huống, giải thích nguyên nhân; 73,4% SV nhận thức ở mức trung bình, hiểu bản chất, lấy ví dụ minh hoạ; 25,1% SV nhận thức ở mức thấp, nhận biết, nghe nói, biết không đầy đủ, cảm tính.

Để nắm bắt nhu cầu nhận thức của SV về các nội dung SKSS, chúng tôi tiến hành khảo sát 1.440 SV sư phạm ở 3 khu vực Bắc, Trung, Nam.

Bảng 1: Nhu cầu nhận thức của SV ĐHSP về SKSS

TT	Nội dung	Mức độ nhận thức										$\overline{X}$
		Phải biết		Nên biết		Biết thì tốt		Không nên		Phân vân		
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Tình bạn, tình yêu, hôn nhân	807	56	380	26,4	33	2,3	0	0	220	15,3	3,23
2	Thay đổi tâm sinh lý lứa tuổi	517	35,9	600	41,7	78	5,4	1	0,1	243	16,9	2,97
3	Cơ quan sinh dục của nam và nữ	445	30,9	504	35,0	226	15,7	20	1,4	245	17,0	2,78
4	Tình dục	378	26,3	403	28,0	193	13,4	202	14	264	18,3	2,48
5	Biện pháp tránh thai	430	29,9	577	40,1	156	10,8	28	1,9	249	17,3	2,84
6	Phòng tránh nạo, phá thai	341	23,7	536	37,2	253	17,6	43	3,0	266	18,5	2,63
7	Phòng tránh bệnh lây qua đường tình dục	640	44,4	442	30,7	98	6,8	7	0,5	254	17,6	3,02
8	Phòng tránh HIV/ AIDS	859	59,7	263	18,3	55	3,8	5	0,3	258	17,9	3,19

Kết quả bảng 1 cho thấy: Đa số SV ĐHSP có nhu cầu nhận thức về SKSS. Tuy nhiên, trong từng nội dung SKSS, mức độ mong muốn nhận thức có khác nhau. Chiếm thứ bậc 1 là nhu cầu nhận thức về tình bạn, tình yêu, hôn nhân với $\overline{X}$ = 3,23; chiếm thứ bậc 2 là nhu cầu nhận thức về phòng tránh HIV/AIDS; chiếm thứ bậc 3 là nhu cầu nhận thức phòng tránh bệnh lây truyền qua tình dục: $\overline{X}$ = 3,02; chiếm thứ bậc 4 là nhu cầu nhận thức về thay đổi sinh lý lứa tuổi: $\overline{X}$ = 2,97; kế đến là nhu cầu nhận thức về biện pháp phòng tránh thai: $\overline{X}$ = 2,81. Nhu cầu chiếm thứ bậc thấp nhất là nhu cầu nhận thức về tình dục. Song, điều đáng lưu ý là vẫn còn tỉ lệ đáng kể SV trả lời không nên biết hoặc có thái độ phân vân về SKSS.

Nhu cầu nhận thức SKSS của SV là động cơ thôi thúc SV quan tâm tìm hiểu, tiếp nhận kiến thức về SKSS thông qua nhiều con đường khác nhau như gia đình, nhà trường, xã hội, thông tin đại chúng, tư vấn, bạn bè.... Hầu hết SV có nhu cầu học hỏi kiến thức về SKSS. Thiếu tiếp cận với các dịch vụ sức khỏe, các thông tin thiếu chính xác và đầy đủ làm cho SV dễ có những hiểu biết lệch lạc, có hành vi tình dục ngoài hôn nhân,

dễ dẫn tới hậu quả mang thai ngoài ý muốn và các bệnh lây truyền qua đường tình dục. Những thay đổi về kinh tế, xã hội đã và đang làm thay đổi nhanh chóng lối sống của SV và chính điều đó đang đặt SV nói chung và SV sư phạm nói riêng vào những thách thức mới. Mặc dù nền văn hoá phương Đông vẫn cấm kỵ, nhưng quan hệ tình dục trước hôn nhân, nạo phá thai vẫn gia tăng. Theo báo cáo của Bộ y tế mỗi năm có khoảng 300.000 thanh niên trẻ chưa xây dựng gia đình nạo phá thai. Tại thành phố Hồ Chí Minh, năm 2001 có 116.399 ca nạo phá thai, 869 ca dưới 18 tuổi... 50% số người mới nhiễm HIV/ AIDS ở độ tuổi 15 - 24. Một nghiên cứu ở 6 trường đại học năm 2000, phỏng vấn 1.560 SV có độ tuổi 18 - 24, chưa lập gia đình, cho thấy có: 79,3% nam SV đang có bạn tình là nữ SV và đã có quan hệ tình dục; 10,74% thừa nhận có quan hệ tình dục với gái đứng đường; 47,43% sử dụng biện pháp tránh thai khi quan hệ với bạn tình; 26 trường hợp sinh viên nữ nạo phá thai đến lần thứ 3. Rõ ràng, đây là con số đáng báo động về hành vi tình dục và nạo phá thai trong SV hiện nay. Thiếu kiến thức về biện pháp tránh thai, thiếu tiếp cận các dịch vụ và phương tiện tránh thai có thể đẩy SV đến chỗ không sử dụng các biện pháp tránh thai ngay cả khi họ muốn bảo vệ mình khỏi việc mang thai.

Nhu cầu nhận thức về SKSS của SV về các nội dung SKSS là rất lớn. Tuy nhiên, chuyển từ nhu cầu nhận thức SKSS đến hành vi nhận thức tích cực về SKSS còn một khoảng cách tương đối xa. Bởi vậy, cần phải có những biện pháp tác động phù hợp, giúp SV chuyển trạng thái NCNT thành động cơ hóa NCNT về SKSS, thôi thúc họ chiếm lĩnh kiến thức về SKSS.

Để tìm hiểu thêm đánh giá của cán bộ lãnh đạo quản lý (LĐQL) và giáo viên về sự cần thiết tiến hành giáo dục SKSS cho sinh viên, chúng tôi tiến hành phỏng vấn 252 cán bộ LĐQL và giáo viên.

Bảng 2: Đánh giá của cán bộ LĐQL và giáo viên về giáo dục SKSS cho sinh viên

Mức độ	Nam (98)		Nữ (154)		Tổng 252	
	SL	%	SL	%	SL	%
Rất cần thiết	60	61,2	82	53,3	142	56,3
Cần thiết	35	35,7	65	42,2	100	39,7
Có cũng được	3	3,1	7	4,5	10	4,0

Kết quả bảng 2 cho thấy: Phần lớn cán bộ LĐQL và giáo viên đều có ý kiến cho rằng cần thiết phải tiến hành giáo dục SKSS cho sinh viên. Chỉ có 4% ý kiến cho rằng có cũng được.

Kết quả bảng 3 (trang bên) cho thấy: Phần lớn cán bộ lãnh đạo quản lý và giáo viên đều cho rằng nên tiến hành giáo dục SKSS cho sinh viên ngay từ năm thứ 1 và năm thứ 2 đại học. Lý do là sinh viên chưa bận học các môn chuyên ngành. Tỷ lệ ý kiến cho rằng nên tiến hành giáo dục từ năm thứ 3, 4 đại học rất

Bảng 3: Đánh giá của cán bộ LĐQL và giáo viên về thời điểm tiến hành giáo dục SKSS cho sinh viên ĐHSP

Giới / Giáo dục cho sinh viên	Nam (98)		Nữ (154)		Tổng 252	
	SL	%	SL	%	SL	%
Năm thứ 1	53	54,1	62	40,3	115	45,6
Năm thứ 2	41	41,9	79	51,3	120	46,7
Năm thứ 3	2	2,0	10	6,5	12	4,7
Năm thứ 4	2	2,0	3	1,9	5	2,0

thấp.

Bảng 3 cũng cho thấy có sự khác biệt về giới trong đánh giá của cán bộ lãnh đạo quản lý và giáo viên về việc tiến hành giáo dục SKSS cho sinh viên nhưng không đáng kể (13,8%; 9,4%). Tỷ lệ nam có ý kiến nên tiến hành giáo dục SKSS ngay từ năm thứ nhất đại học cao hơn nữ (54,1%; 40,3%); tỷ lệ nữ có ý kiến nên tiến hành giáo dục từ năm thứ hai đại học cao hơn nam (51,3%; 41,9%).

Qua kết quả khảo sát cán bộ lãnh đạo quản lý, giáo viên và sinh viên ở trên cho phép chúng tôi rút ra nhận xét sau:

Một là, nhận thức của sinh viên ĐHSP về SKSS ở mức độ không đồng đều, phần lớn nhận thức SKSS ở mức trung bình. Mức cao chiếm tỷ lệ quá thấp 1,5%. Vẫn còn 1/4 số sinh viên có nhận thức ở mức thấp về tất cả các nội dung SKSS.

Hai là, phần lớn sinh viên ĐHSP (91,3%) có nhu cầu nhận thức thêm về các nội dung SKSS, trang bị thêm các kỹ năng sống giúp họ bảo vệ sức khoẻ tình dục.

2. Tính cấp thiết nâng cao nhận thức về SKSS cho SV

Thực tế cho thấy, các trường ĐHSP chưa chú trọng thích đáng đến giáo dục SKSS cho SV. Bởi vậy, tổ chức giáo dục SKSS cho SV ĐHSP là rất cần thiết. Hệ thống các trường ĐHSP ở nước ta là các trung tâm đào tạo đại học và sau đại học có chất lượng cao, là địa chỉ đào tạo giáo viên nắm vững tri thức chuyên môn, có khả năng giảng dạy và học tập suốt đời, có nhân cách và phẩm chất của người thầy giáo. Ngành sư phạm là một ngành đặc biệt, là ngành đào tạo giáo viên có trình độ đại học ở tất cả các cấp học, ngành học cho các trường từ mẫu giáo tới trung học phổ thông, là nơi cung cấp nguồn nhân lực có trình độ cao cho xã hội. SV sư phạm khác với SV các ngành khác ở vị trí, vai trò của người SV, người thầy giáo tương lai với nhân cách, đạo đức, trách nhiệm "đào tạo con người". Ảnh hưởng giáo dục của người thầy giáo tương lai đến các thế hệ học sinh và xã hội là rất lớn. Vì vậy, cần coi trường ĐHSP là loại trường đặc biệt để đầu tư thích đáng về GDDS - SKSS, trường ĐHSP phải đi trước một bước trong giáo dục SKSS

cho SV. Đầu tư cho trường sư phạm là đầu tư mang lại hiệu quả cao và lâu dài, đạt được mục tiêu kép. Một mặt, nâng cao nhận thức về SKSS cho SV, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. SV là nhóm đối tượng chính của chương trình sức khoẻ và SKSS. Hành vi và lối sống của họ hôm nay có mối quan hệ nhân quả với chất lượng dân số hiện tại và tương lai. Giáo dục SKSS là một bộ phận của toàn bộ công tác giáo dục nhân cách người giáo viên. Vì thế, giáo dục SKSS không tách rời quá trình giáo dục chung mà trái lại việc giáo dục SKSS cần được tiến hành thông qua toàn bộ quá trình giáo dục và dựa trên những kết quả đã được hình thành của quá trình giáo dục nhân cách người giáo viên. Bởi vậy, cần nâng cao kiến thức SKSS cho SV sư phạm một cách khoa học, hệ thống, đúng mức, mới mẻ và có thứ bậc, có tác dụng ngăn chặn những ảnh hưởng tiêu cực của những nguồn thông tin sai lệch về sức khỏe sinh sản. Mặt khác, thông qua việc giúp họ có những tri thức, kỹ năng cần thiết để họ đảm nhiệm tốt nhiệm vụ giáo dục SKSS cho học sinh của mình sau này, giúp họ có ý thức trách nhiệm đối với thế hệ tương lai, góp phần nâng cao chất lượng giống nòi.

Nhằm đáp ứng phần lớn nhu cầu nhận thức sâu sắc, đúng đắn của SV sư phạm về SKSS, nên chăng, các trường sư phạm chủ động xây dựng nội dung, chương trình giáo dục SKSS, phương pháp giảng dạy, coi đó là môn học chính khóa trong hệ thống các trường đại học. Chương trình soạn thảo phải căn cứ vào khảo sát thực trạng nhận thức của SV về SKSS và nhu cầu cần nhận thức các nội dung SKSS của họ, nhằm giúp SV sư phạm hiểu biết sâu rộng về SKSS, trì hoãn quan hệ tình dục trước tuổi trưởng thành, hình thành ở SV ý thức tự giác, tinh thần trách nhiệm đối với bản thân, gia đình và xã hội. Đặc biệt, có ý thức về sự cần thiết trang bị kiến thức SKSS, hệ thống thông tin chính xác, đầy đủ nghề dạy học trong tương lai của mình, giúp SV phát triển kỹ năng hành động và kỹ năng truyền thông cho người khác, đưa ra quyết định và có trách nhiệm về hành vi và SKSS của mình.

Giáo dục SKSS là một lĩnh vực mới mẻ, tế nhị, cần tránh lối thuyết giáo một chiều, nên tăng cường các hình thức sinh động như tư vấn, ngoại khóa, câu lạc bộ... Giáo dục SKSS đòi hỏi SV phải nắm vững các tri thức về SKSS một cách hệ thống, tạo điều kiện cho sự phát triển hài hòa, hình thành đầy đủ giá trị của chức năng sinh dục và khả năng làm chủ sinh sản, nâng cao kiến thức tình dục, phát triển phẩm chất đạo đức trong quan hệ nam nữ, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cá nhân, gia đình và cộng đồng.

Nói tóm lại, SV ĐHSP có nhu cầu cao về nhận thức SKSS. Nếu chúng ta không sớm quan tâm bù đắp tri thức về SKSS cho họ sẽ sớm đẩy SV vào nguy cơ có thai ngoài ý muốn, nạo, phá thai, mắc bệnh lây truyền qua đường tình dục, kể cả HIV/AIDS. Để tránh các sai lầm trên, chúng ta cần phải trang bị cho SV hệ thống tri thức khoa học cơ bản về SKSS. Đó là biện pháp hữu hiệu để "phản công" lại sự "tấn công" của sự thiếu giáo dục về SKSS. Hệ thống kiến thức và kỹ năng về SKSS giúp SV giám sát những sự kiện liên quan đến SKSS bằng cách bảo vệ mình khỏi bị rủi ro và

sống lành mạnh. Việc đáp ứng nhu cầu nhận thức chính đáng của SV có ý nghĩa to lớn, đề xuất hướng giáo dục, nâng cao nhận thức, thay đổi thái độ, hành vi của họ, góp phần nâng cao chất lượng dân số và nguồn nhân lực, hoàn thiện nhân cách người giáo viên tương lai, góp phần thực hiện chiến lược con người do Đảng ta khởi xướng. ♣

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. GS.VS. Phạm Minh Hạc, *Hành vi và hoạt động*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1989.

2. PGS. Trần Trọng Thuỷ, *Giáo dục phòng chống HIV/AIDS ở nhà trường: Mục đích và nguyên tắc*, tạp chí Giáo dục, số 79/2004, tr. 46.

3. Phạm Song, *Giáo dục sức khoẻ sinh sản vị thành niên trong nhà trường*, tạp chí TTKHGD, số 96/2003, tr. 40.

BẢN LĨNH - PHẨM CHẤT CỐT LÕI...

(Tiếp theo trang 52)

không ngừng bồi dưỡng phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức cách mạng, trình độ kiến thức khoa học quân sự, nghệ thuật quân sự; khoa học xã hội nhân văn, tri thức và kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ huy bộ đội; có thế giới quan đúng đắn, phương pháp luận khoa học để giải quyết mọi vấn đề thực tiễn hoạt động quân sự đặt ra một cách chủ động, độc lập, sáng tạo, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, chức trách được giao.

Ba là, tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, người chỉ huy cấp trên đối với người cán bộ cấp dưới nhằm kịp thời phát hiện những nhận thức lệch lạc, mơ hồ, những biểu hiện không đúng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống... Từ đó, có các biện pháp tác động tích cực để điều khiển, điều chỉnh phẩm chất nhân cách, các hành vi trong quan hệ công tác, quan hệ ứng xử, giao tiếp với bộ đội nhằm giúp cho người cán bộ thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn. Phát huy tối đa trí tuệ và sức lực; giải quyết tốt các mối quan hệ giữa lãnh đạo với chỉ huy; giữa lãnh đạo, chỉ huy với cấp dưới trong hoạt động lãnh đạo, chỉ huy bộ đội sẽ có tác động tích cực đến thái độ, trách nhiệm, làm cho họ thường xuyên chăm lo xây dựng, rèn luyện bản lĩnh vững vàng, đáp ứng đòi hỏi hoạt động lãnh đạo, chỉ huy bộ đội luôn có sự biến động phức tạp.

Bốn là, nêu cao tinh thần đấu tranh, phê bình và tự phê bình, kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, những biểu hiện cơ hội, thực dụng, bè phái, cục bộ địa phương làm cho người cán bộ trở nên bảo thủ, trì trệ, ý thức tổ chức kỷ luật không cao, thiếu tinh thần trách nhiệm, thiếu năng động, ỷ lại, làm hạn chế khả năng sáng tạo của bộ đội, suy yếu tình đoàn kết trong hoạt động lãnh đạo, chỉ huy dẫn đến hiệu quả thực hiện nhiệm vụ thấp. Vì vậy, xây dựng, rèn luyện và hoàn thiện nhân cách, nhất là củng cố, nâng cao bản lĩnh cho người cán bộ là vấn đề hết sức cần thiết đối với sự nghiệp xây dựng quân đội trong giai đoạn cách mạng hiện nay. ♣

Chú thích

(1) *Dự thảo Báo cáo tổng kết công tác tổ chức, cán bộ trong quân đội 5 năm (1996 - 2000) và Phương hướng 5 năm (2001 - 2005)*, tr. 29.